

Số: *03* /2022/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *18* tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của
Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số
điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ
trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối,
sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của
các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và
bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ
quan Đảng, Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
135/TTr-STTTT ngày 26 tháng 11 năm 2021 và Công văn số 158/STTTT-BCVT
ngày 15 tháng 02 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*3*

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Báo Thái Nguyên;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Tòa án nhân dân cấp huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện;
- Các DN viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KGVX, TH. /*3*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiên

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Kèm theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây “mạng truyền số liệu chuyên dùng” viết tắt là “mạng TSLCD”).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT).

2. Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là phân hệ của mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối đến:

a) Các ban xây dựng Đảng thuộc Tỉnh ủy; huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện;

- d) Tòa án nhân dân tỉnh, tòa án nhân dân cấp huyện;
- e) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;
- g) Kiểm toán nhà nước khu vực;
- h) Các đối tượng khác theo yêu cầu của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

3. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

4. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là doanh nghiệp viễn thông đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT) và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT và theo những nguyên tắc sau đây:

1. Việc sử dụng dữ liệu, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ.
2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.
3. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.
4. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II tham gia quản lý và vận hành mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
5. Các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

Điều 6. Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II

1. Các dịch vụ công trực tuyến.
2. Hệ thống quản lý văn bản điều hành của tỉnh.
3. Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.
4. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.
5. Truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại trung tâm dữ liệu của tỉnh.
6. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.
7. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần độ an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Chương III

BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 7. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II

Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD được quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT như sau:

1. Thiết kế hạ tầng mạng có phân vùng thành từng vùng mạng chức năng phù hợp với hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.
2. Phải có phương án quản lý truy nhập hệ thống từ các mạng bên ngoài, nhằm quản lý và ngăn chặn các truy nhập trái phép từ các mạng bên ngoài vào mạng trong.
3. Phải có biện pháp quản lý truy nhập từ bên trong mạng ra các mạng bên ngoài và mạng Internet, nhằm bảo đảm chỉ những kết nối mạng hợp lệ theo chính sách của cơ quan, tổ chức mới được cho phép kết nối ra bên ngoài.
4. Phải có phương án lưu trữ và quản lý nhật ký hệ thống phục vụ việc theo dõi, giám sát hoạt động bình thường, các hoạt động liên quan đến an toàn thông tin của hệ thống.
5. Phải có phương án phòng, chống xâm nhập, phần mềm độc hại, nhằm giám sát phát hiện sớm, xử lý và ngăn chặn những cuộc tấn công mạng, những sự kiện bất thường xảy ra trên hệ thống qua môi trường mạng.
6. Phải có phương án bảo vệ các thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin trong hệ thống, nhằm giám sát và ngăn cản truy nhập, thay đổi trái phép cấu hình và hoạt động của thiết bị.

Điều 8. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD được quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT như sau:

1. Mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

2. Quy định về Hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD:

a) Đơn vị sử dụng phải tách riêng phân hệ kết nối mạng TSLCD với phân hệ kết nối mạng Internet;

b) Hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Cổng kết nối của hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT;

c) Trung tâm dữ liệu khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 2 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 9. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II.

2. Quản lý các kết nối, cấu hình phần mềm hệ thống trên các thiết bị mạng, hồ sơ hệ thống mạng, các vùng địa chỉ mạng TSLCD cấp II.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác mạng TSLCD cấp II nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

5. Nghiên cứu, đề xuất nâng cấp, mở rộng, duy trì và phát triển mạng TSLCD cấp II nhằm cung cấp hạ tầng kỹ thuật đáp ứng kịp thời việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với các tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kiến trúc hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, điểm a khoản 8 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

8. Tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II thuộc cấp tỉnh quản lý trong dự toán giao đầu năm của Sở Thông tin và Truyền thông gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 10. Sở Tài chính

Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II trong dự toán giao đầu năm của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ để tổ chức quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II tại địa phương.

2. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối mạng TSLCD cấp II tại địa phương, gửi văn bản đề nghị về Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Bố trí kinh phí quản lý, sử dụng mạng TSLCD cấp II đối với cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Trước ngày 01/12 hàng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị theo Phụ lục I Quyết định này.

Điều 12. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

2. Thực hiện kết nối theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

3. Hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

4. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

5. Chỉ thực hiện lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

7. Trước ngày 01/12 hàng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị theo Phụ lục II Quyết định này.

Điều 13. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

b) Thiết lập địa chỉ IP trên các máy trạm tham gia vào hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

d) Tùy tình hình thực tế tổ chức, bộ phận chuyên trách hoặc phụ trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể:

Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II của đơn vị (chỉ được phép cho nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II tiến hành xử lý và khắc phục các sự cố của thiết bị có liên quan trực tiếp đến mạng TSLCD cấp II; không được phép cho người khác sử dụng máy chủ kết nối mạng TSLCD cấp II và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị).

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

2. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với mạng TSLCD cấp II

a) Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mỗi bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

c) Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ và di dời trụ sở làm việc có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD.

3. Hệ thống thông tin của các đơn vị khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải đảm bảo quy định tại Điều 8 quy chế này.

4. Trước ngày 05 tháng 12 hàng năm, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD cấp II; không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

4. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức kết nối vào mạng TSLCD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị mình.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng mạng TSLCD cấp II phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG CẤP II
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Tên đơn vị báo cáo:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG CẤP II

STT	Tên đơn vị cung cấp dịch vụ	Kết nối mạng nội bộ (LAN) vào mạng TSLCD cấp II		Hiện trạng kết nối		Tốc độ đường truyền Mạng TSLCD cấp II	Dịch vụ, ứng dụng đã triển khai trên mạng TSLCD cấp II		Giá cước	Ngày tháng năm ký hợp đồng với DN
		Đã kết nối	Chưa kết nối	Sử dụng	Không sử dụng		Dịch vụ quy định tại Điều 5 Thông tư 27/2017/TT-BTTTT	Dịch vụ, ứng dụng khác (VD: gửi, nhận VBĐT...)		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	...									
2	...									
..	...									

..., ngày... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Đánh dấu “X” vào ô tương ứng;

(6): Đơn vị tính Mbs;

(9): Giá cước tính theo tháng;

Phụ lục II
BÁO CÁO TÌNH HÌNH CUNG CẤP MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG CẤP II
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Tên đơn vị báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CUNG CẤP MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG CẤP II

STT	Tên đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II	Tốc độ đường truyền cung cấp	Hiện trạng kết nối		Kết nối mạng nội bộ (LAN) vào mạng TSLCD cấp II		Đáp ứng tiêu chí ATTT	
			Sử dụng	Không sử dụng	Đã kết nối	Chưa kết nối	Đáp ứng	Chưa đáp ứng
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	...							
2	...							
...	...							

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Áp dụng đối với các đơn vị cấp huyện có nhiều đơn vị cấp xã sử dụng;

(2): Ghi rõ tốc độ đường truyền cung cấp ký trong hợp đồng;

(3), (4), (5), (6): Đánh dấu “X” vào ô tương ứng;

(7), (8): Căn cứ Văn bản số 1694/BTTTT-CATTT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn yêu cầu an toàn thông tin cơ bản đối với hệ thống thông tin kết nối vào mạng TSLCD, để đánh giá.